

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/DS-ST

Ngày: 15/7/2019

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Dương Hải

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lương Minh Suốt

2/ Bà Lâm Thị Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp đòi lại tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Số 95 Hùng Vương, khóm 1, phường 6, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Bửu Thịnh Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 57 đường Nguyễn Văn T, Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T theo văn bản ủy quyền lập ngày 15/5/2018.

- *Bi đơn:* Ông Huỳnh Bửu T, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 171 Phan Bội Châu, ấp Hòa M, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Trí N, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/05/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm,

nguyên đơn bà Nguyễn Anh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Bửu Thịnh Đ trình bày:

- Nguyên vào ngày 13/3/2018 trong lúc di chuyển từ đường Hùng Vương thành phố Sóc Trăng ra tuyến Quốc lộ 1A hướng đi Cần Thơ, bà Nguyễn Anh T có đánh rơi 01 điện thoại iphone X 64GB màu trắng số Imei 356722082300699, lúc đầu chưa xác định rơi tại địa điểm nào. Sau đó có 01 người truy theo số điện thoại trong máy điện thoại cho bà Thư kêu bà Thư chuộc lại chiếc điện thoại trên với giá 9.000.000 đồng. Do số tiền chuộc quá cao nên bà không đồng ý, bà thương lượng đề nghị mức giá 6.000.000 đồng nhưng người bên kia không đồng ý và đem bán chiếc điện thoại này cho cửa hàng Trí Nhân do ông Trần Trí N làm chủ (địa chỉ: Chợ Trà Quýt, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng). Qua tìm hiểu bà T biết được người nhặt điện thoại tên là Huỳnh Bửu T. Ông T nhặt được và nhờ người nhà liên lạc với bà T để thương lượng giá chuộc.

Nay bà Nguyễn Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Bửu T trả lại cho cho bà 01 điện thoại Iphone X 64GB màu trắng số Imei 356722082300699. Trong trường hợp ông Trung không thể trả lại đúng cái điện thoại nêu trên thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại cho bà bằng tiền là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra sau khi tòa án thụ lý vụ án thì vào ngày 10/10/2018 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung, nội dung yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Trí Nhân theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ông Đ là đại diện cho nguyên đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Trần Trí N phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Huỳnh Bửu T phải hoàn trả cho bà T mỗi người 50% của số tiền trị giá chiếc điện thoại theo giá của Hội đồng định giá là 22.990.000đ (mỗi người phải trả 11.495.00đ).

- Bị đơn ông Huỳnh Bửu T trình bày ý kiến:

Trong lúc chạy xe từ thành phố Sóc Trăng đi Cần Thơ ông T không nhớ rõ ngày tháng ông có nhặt được 01 điện thoại iphone nhưng không biết giá trị là bao nhiêu, không biết được người đánh rơi. Khi nhặt được một thời gian thì đến 13 giờ cùng ngày thì ông đã bán chiếc điện thoại trên cho cửa hàng điện thoại Trí Nhân (địa chỉ: ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) với giá 6.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Anh T yêu cầu ông trả lại cho cho bà 01 điện thoại iphone X 64GB màu trắng số Imei 356722082300699 hoặc trả bằng tiền là 30.000.000đ phía ông không đồng ý vì hiện nay điện thoại này đã bán cửa hàng điện thoại Trí N.

- Tại biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí N trình bày:

Trước đây ông có mua điện thoại 01 điện thoại iphone của ông Hào bạn với bà Trinh em gái ông T với giá 6.000.000 và bán lại cho ông D ở Cần Thơ với giá 6.300.000 đồng. Hiện nay tôi không biết địa chỉ cụ thể của ông D ở Cần Thơ. Nay bà T kiện đòi ông Trung trả lại số tiền 30.000.000đ ông không có ý kiến gì.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông T phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 22.990.000đ. Đối với việc khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không chấp nhận, về yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông N là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đối với bị đơn ông Huỳnh Bửu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông T và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

* Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Bửu Trung và ông Trần Trí N phải có trách nhiệm hoàn trả lại 01 chiếc điện thoại iphone 64GB màu trắng số Imei 356722082300699 hoặc trả bằng tiền của trị giá chiếc điện thoại theo giá của Hội đồng định giá là 22.990.000đ và yêu cầu Tòa án phải xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Trí N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Nguyên đơn bà T cho rằng vào ngày 13/3/2018 bà đã đánh rơi 01 chiếc điện thoại hiệu iphone X 64GB màu trắng số Imei 356722082300699 trong lúc di chuyển từ đường Hùng Vương ra tuyến quốc lộ 1A và ông T đã nhặt được chiếc điện thoại này của bà, sau đó ông T có liên lạc với bà để yêu cầu chuộc lại, bà T xin chuộc lại với giá 6.000.000đ, ông T không đồng ý và đòi giá 9.000.000đ, phía bà T không đồng ý nên sau đó ông T đã bán chiếc điện thoại trên cho ông Trần Trí N với giá 6.000.000đ. Sau khi ông N mua chiếc điện thoại này đã bán cho một người tên D ở Cần Thơ hiện nay không còn. Nay bà T yêu cầu ông T hoàn trả lại chiếc điện thoại trên hoặc trả bằng tiền là 22.990.000đ. Phía ông T cũng thừa nhận có nhặt được chiếc điện thoại của bà T và sau đó đã bán cho ông N với giá 6.000.000đ và ông N đã bán cho người khác. Nay bà T yêu cầu ông T trả lại chiếc điện thoại trên hoặc bằng tiền 30.000.000đ ông không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải thì ông T thống nhất hoàn trả cho bà T số tiền là 15.000.000đ và ông N thống nhất hoàn trả cho bà T số tiền là 5.000.000đ, bà T cũng đồng ý và vụ việc đã được hòa giải thành. Tuy nhiên sau đó ông T và ông N đã thay đổi ý kiến là không thống nhất hoàn trả cho bà T số tiền 20.000.000đ như đã thỏa thuận nữa vì vậy Tòa án mới đưa vụ án ra xét xử.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T đã thừa nhận có nhặt được 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone X 64GB màu trắng số Imei 356722082300699 của bà T, đáng lẽ ra sau khi liên lạc và biết chiếc điện thoại là tài sản do bà T là chủ sở hữu thì ông T phải trả lại tài sản này cho bà T. Tuy nhiên ông T đã không trả lại chiếc điện thoại cho bà T mà

còn yêu cầu bà T phải chuộc lại với giá 9.000.000đ, bà T không đồng ý nên ông Trung đã bán điện thoại này cho cửa hàng Trí Nhân do ông Trần Trí N làm chủ. Theo quy định tại Điều 230 của Bộ luật dân sự năm 2015 về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên thì: “ *Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó...* ”. Vì vậy việc ông T không trả lại cho bà T chiếc điện thoại mà ông Trung nhặt được của bà T là vi phạm quy định tại Điều 230 của Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại chiếc điện thoại đã nhặt được cho bà T. Tuy nhiên hiện nay chiếc điện thoại trên đã không còn do sau khi nhặt được thì ông T đã bán cho tiệm mua bán điện thoại Trí Nhân và ông N đã bán cho khách hàng hiện không biết địa chỉ. Tòa án cũng đã tiến hành định giá chiếc điện thoại theo các thông tin mà nguyên đơn cung cấp thì trị giá chiếc điện thoại trên theo biên bản định giá của Hội đồng định giá là 22.990.000đ. Vì vậy cần buộc ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T số tiền là 22.990.000đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với việc khởi kiện bổ sung là yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Trí N phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Huỳnh Bửu T phải hoàn trả cho bà T trị giá chiếc điện thoại iphonne X 64GB theo giá của Hội đồng định giá là 22.990.000đ mỗi người phải trả cho bà T 11.495.000đ Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 244 thì: HĐXX chấp nhận việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu yêu cầu của họ không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Trong vụ án này trong đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ kiện ông T yêu cầu trả lại chiếc điện thoại bị đánh rơi. Tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông N phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T phải hoàn trả chiếc điện thoại cho bà T là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, vì vậy HĐXX không chấp nhận việc khởi kiện bổ sung này của nguyên đơn.

[5] Đối với yêu cầu xin yêu cầu Tòa án xem xét về trách nhiệm hình sự đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí N Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi nhận được đơn yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án đã có văn bản gửi Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Sóc Trăng yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra trả lời các vấn đề có liên quan đến vụ việc nêu trên. Theo Công văn số 37/CQCSĐT-ĐTTH, ngày 24/12/2018 của Công an Thành phố Sóc Trăng đã trả lời cho Tòa án là vụ việc không có dấu hiệu của tội phạm về tội chiếm giữ trái phép và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Sóc Trăng không ra Quyết định khởi tố vụ án đối với vụ việc nêu trên. Như đã nêu trên do Cơ quan điều tra đã kết luận không có dấu hiệu của tội phạm và không ra Quyết định khởi tố vụ án vì vậy Tòa án không xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông N mà chỉ xử lý về trách nhiệm bồi thường dân sự là đúng luật định.

[6] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trung hoàn trả trị giá của chiếc điện thoại theo biên bản định giá là 22.990.000đ. Vì vậy cần xử buộc bị đơn ông Huỳnh Bửu T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Anh T số tiền trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64GB số tiền là 22.990.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí N do bị đơn cũng thừa nhận đã bán chiếc điện thoại cho ông N giá 6.000.000đ sau đó ông N đã bán cho người khác hiện không còn, mặt khác ông N không phải là người nhận được chiếc điện thoại của bà T vì vậy ông N không phải có trách nhiệm phải trả cho bà T chiếc điện thoại nêu trên.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 1.149.500đ, nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] *Về chi phí định giá tài sản*: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí định giá là 450.000đ, do nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí định giá nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí định giá nêu trên.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông T phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 22.990.000đ. Đối với việc khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không chấp nhận, về yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông N là không có căn cứ nên không chấp nhận. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Riêng việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử tại khoản 1 Điều 203 của BLTTDS sẽ được sửa chữa khắc phục trong thời gian tới.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 166; Điều 230 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Anh T.

- Buộc ông Huỳnh Bửu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Anh T số tiền là 22.990.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả cho bà T số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ theo biên lai thu số 0002527, ngày 5/6/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Trung phải nộp 1.149.500đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Về chi phí định giá tài sản: Bị đơn ông T phải chịu toàn bộ chi phí định giá số tiền là 450.000đ, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này, do đó bị đơn ông T phải nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải